

Số: 1921 /SYT-TTKN
V/v điều chỉnh số lượng thuốc phân bổ
(đợt 34)

Hải Phòng, ngày 22 tháng 7 năm 2019

Kính gửi: Các đơn vị khám, chữa bệnh

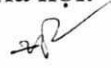
Sở Y tế ban hành các Quyết định: Số 1317/QĐ-SYT ngày 16/11/2017 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc) thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017-2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng; số 427/QĐ-SYT ngày 02/4/2018 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của Gói thầu Mua sắm thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu (gồm 246 lô thuốc) thuộc Dự án: Mua sắm thuốc cổ truyền; thuốc dược liệu năm 2017-2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng; số 2397/QĐ-SYT ngày 02/11/2018 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu Mua sắm vị thuốc cổ truyền (gồm 697 vị thuốc) thuộc dự án: Mua sắm vị thuốc cổ truyền cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng; số 189/QĐ-SYT ngày 13/02/2019 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc) thuộc dự án: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018-2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Sở Y tế ban hành các Công văn: Số 2459/SYT-NVD ngày 22/11/2017 về việc phân bổ số lượng thuốc theo tên Generic trúng thầu năm 2017 – 2019; số 703/SYT-NVD ngày 03/4/2018 về việc phân bổ số lượng thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu trúng thầu năm 2017-2019; số 2710/SYT-TTKN ngày 05 tháng 11 năm 2018 về việc phân bổ số lượng thuốc trúng thầu Gói thầu mua sắm vị thuốc cổ truyền (gồm 697 vị thuốc); số 322/SYT-TTKN ngày 19/02/2019 về việc phân bổ số lượng thuốc trúng thầu Gói thầu mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc); số 36a/SYT-NVD ngày 09/01/2018; số 542/SYT-NVD ngày 20/3/2018; số 789/SYT-NVD ngày 11/4/2018; số 918/SYT-NVD ngày 20/4/2018; số 1093/SYT-TTKN ngày 14/5/2018; số 1184/SYT-TTKN ngày 21/5/2018; số 1292/SYT-TTKN ngày 31/5/2018; số 1390/SYT-TTKN ngày 12/6/2018; số 1524/SYT-TTKN ngày 22/6/2018; số 1722/SYT-TTKN ngày 11/7/2018, số 1825/SYT-TTKN ngày 23/7/2018; số 1994/SYT-TTKN ngày 09/8/2018; số

2165/SYT-TTKN ngày 30/8/2018; số 2259/SYT-TTKN ngày 12/9/2018; số 2448/SYT-TTKN ngày 05/10/2018; số 2482/SYT-TTKN ngày 10/10/2018; số 2628/SYT-TTKN ngày 24/10/2018; số 2691/SYT-TTKN ngày 02/11/2018; số 2841/SYT-TTKN ngày 16/11/2018; số 2999/SYT-TTKN ngày 03/12/2018; số 3156/SYT-TTKN ngày 21/12/2018; số 70/SYT-TTKN ngày 08/01/2019; số 166/SYT-TTKN ngày 21/01/2019; số 249/SYT-TTKN ngày 11/02/2019; số 674/SYT-TTKN ngày 25/03/2019; số 732/SYT-TTKN ngày 28/3/2019; số 849/SYT-TTKN ngày 09/4/2019; số 947/SYT-TTKN ngày 22/4/2019; số 1037/SYT-TTKN ngày 04/5/2019; số 1161/SYT-TTKN ngày 13/5/2019; số 1365/SYT-TTKN ngày 31/5/2019; số 1574/SYT-TTKN ngày 18/6/2019; số 1794/SYT-TTKN ngày 09/7/2019 về việc điều chỉnh số lượng thuốc phân bổ từ đợt 1 đến đợt 33.

Trong quá trình thực hiện, Sở Y tế nhận được đề nghị của các đơn vị về việc xin điều chỉnh số lượng thuốc đã được phân bổ. Sau khi xem xét, Sở Y tế điều chỉnh số lượng đã được phân bổ của các đơn vị theo đề nghị (*danh mục chi tiết đính kèm*).

Các đơn vị căn cứ danh mục điều chỉnh số lượng thuốc đã được phân bổ để tiến hành mua thuốc và thanh toán với cơ quan Bảo hiểm xã hội.

Sở Y tế thông báo để các đơn vị biết và thực hiện./. 

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- GD SYT (để báo cáo);
- PGD Nguyễn Tiến Sơn;
- BHXH TP, Kho bạc NNHP (để phối hợp);
- Cổng thông tin điện tử Sở Y tế Hải Phòng;
- Lưu: VT, NVD, TTKN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Tiến Sơn



DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuốc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số 1921/SYT-TTKN ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Đa khoa huyện Thủy Nguyên

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G2188	PANANGIN	Magnesi aspartat anhydrat, Kali aspartat anhydrat	(40mg 45,2mg) /1ml-10ml	Hộp 5 ống x 10ml, Dung dịch đậm đặc để pha tiêm truyền, Tiêm/truyền	36 tháng	VN-19159-15	Gedeon Richter Plc. Hungary	Ống	1	22.890,00	HP014	500	400		Việt Tiệp	100

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số 1921 /SYT-TTKN ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G0788	Voxin	Vancomycin*	500mg	Hộp 1 lọ ,Bột đông khô pha tiêm,Tiêm	24 tháng	VN-20141-16	Vianex S.A_Nhà máy C-Greece	Lọ	1	68.000,00	HP075	0		100	Việt Tiệp	100

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số 194 /SYT-TTKN ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Đa khoa huyện Vĩnh Bảo

STT	Mã HSM T	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G0205	Glucosamin	Glucosamin	196,3mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên, Viên nang cứng, Uống	36 tháng	VD-23377-15	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco - Việt Nam	Viên	3	980,00	HP002	80.000		80.000	ĐHY	160.000
2	G0209	Glucosamin	Glucosamin sulfat	250mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên; Viên nang cứng; Uống	36	VD-19030-13	Dopharma - Việt Nam	Viên	3	206,00	HP035	0		20.000	Quốc Tế	20.000

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số 1921 /SYT-TTKN ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Viện Y học Hải Quân

STT	Mã HSM T	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G2188	PANANGIN	Magnesi aspartat anhydrat, Kali aspartat anhydrat	(40mg 45,2mg) /1ml- 10ml	Hộp 5 ống x 10ml, Dung dịch đậm đặc để pha tiêm truyền, Tiêm/truyền	36 tháng	VN-19159-15	Gedeon Richter Plc. Hungary	Ống	1	22.890,00	HP014	20.250	3.000		Việt Tiệp	17.250

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số 1921 /SYT-TTKN ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Đa khoa huyện An Lão

STT	Mã HSM T	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G1054	Gelofusine	Gelatin succinyl + natri clorid +natri hydroxyd	20g+3,5 05g+0,6 8g	Hộp 10 chai nhựa 500ml, dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	36	VN-13504-11	B.Braun Medical Industries Sdn. Bhd. - Malaysia	Chai	2	116.000,00	HP037	4.000	25		An Dương	3.975
2	G2028	Sulpiride Stada 50mg	Sulpirid	50mg	Hộp 5 vỉ x 10 viên nang cứng, uống	24 tháng	VD-25028-16	Liên doanh Stada - VN	Viên	2	335,00	HP019	37.200		16.700	Hồng Bàng	53.900
3	G2300	Vitamin B12 1mg/ml	Vitamin B12	1mg/ml	Hộp 100 ống x 1ml, dung dịch tiêm, tiêm	24 tháng	VD-23606-15	CTCPDP Minh Dân-Việt Nam	Ống	3	494,00	HP143	18.700		6.300	Hồng Bàng	25.000

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số 1921 /SYT-TTKN ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Đa khoa quận Hải An

STT	Mã HSM T	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G1654	A.T Zinc Siro	Kẽm	2mg/1ml -5ml	Hộp 30 ống x 5ml. Dung dịch uống.	24 tháng	VD-25649-16	Cty CP DP An Thiên-Việt Nam	ống	3	3.633,00	HP139	50.000	3.500		Trẻ Em	46.500

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số 1921 /SYT-TTKN ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G0788	Voxin	Vancomycin *	500mg	Hộp 1 lọ ,Bột đông khô pha tiêm,Tiêm	24 tháng	VN-20141-16	Vianex S.A_Nhà máy C-Greece	Lọ	1	68.000,00	HP075	10.000	100		Lao	9.900
2	G0945	REDITUX	Rituximab	100mg/10ml	Hộp 1 lọ x 10ml-Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền-Tiêm	24 tháng	QLSP-861-15	Dr.Reddy's Laboratories Ltd. -India	Lọ	2	4.400.000,00	Hp033	860		40	Kiến An	900
3	G0950	Mefuform	Tegafur-Uracil (UFT hoặc UFUR)	100mg + 224mg	Hộp 7 vi x 10 viên nang cứng, uống	36 tháng	VD-17604-12	Mediplante x-việt nam	viên	Nhóm 3	25.040,00	HP036	160.000		3.000	ĐHY	163.000
4	G2188	PANANGIN	Magnesi aspartat anhydrat, Kali aspartat anhydrat	(40mg 45,2mg) /1ml-10ml	Hộp 5 ống x 10ml, Dung dịch đậm đặc để pha tiêm truyền, Tiêm/truyền	36 tháng	VN-19159-15	Gedeon Richter Plc. Hungary	Ống	1	22.890,00	HP014	45.000		50 + 230 + 400 + 3.000	Ngô Quyền + Hồng Bàng + Thủy Nguyên + YHHQ	48.680

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số 194 /SYT-TTKN ngày 22 tháng 1 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng

STT	Mã HSM T	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G0205	Glucosamin	Glucosamin	196,3mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên, Viên nang cứng, Uống	36 tháng	VD-23377-15	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco - Việt Nam	Viên	3	980,00	HP002	300.000	80.000		Vĩnh Bảo	220.000
2	G0950	Mefuform	Tegafur-Uracil (UFT hoặc UFUR)	100mg + 224mg	Hộp 7 vỉ x 10 viên nang cứng, uống	36 tháng	VD-17604-12	Mediplantex-việt nam	viên	Nhóm 3	25.040,00	HP036	10.000	3.000		Việt Tiệp	7.000

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số 1921 /SYT-TTKN ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Trung tâm y tế huyện An Dương

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G1054	Gelofusine	Gelatin succinyl + natri clorid +natri hydroxyd	20g+3,505g+0,68g	Hộp 10 chai nhựa 500ml, dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	36	VN-13504-11	B.Braun Medical Industries Sdn. Bhd. - Malaysia	Chai	2	116.000,00	HP037	0		25	An Lão	25
2	G1103	CORDARONE	Amiodarone hydrochloride	200 mg	Hộp 2 vỉ x 15 viên, Viên nén, Uống	24 tháng	VN-16722-13	Sanofi Winthrop Industrie-Pháp	Viên	1	6.750,00	HP119	2.600		600	Hồng Bàng	3.200
3	G1573	Tanganil 500mg	Acetyl leucin	500mg/5 ml	Hộp 5 ống x 5ml, Dung dịch tiêm tĩnh mạch, Tiêm tĩnh mạch	60 tháng	VN-18066-14	Pierre Fabre Medicament production - Pháp	Ống	1	13.698,00	HP122	0		3.000	Hồng Bàng	3.000
4	G1574	Atileucine inj	Acetyl leucine	500mg/5ml	Tiêm, Dung dịch tiêm. Hộp 5 ống, 10 ống, 20 ống.	24 tháng	VD-25645-16	Công ty CPDP An Thiên - Việt Nam	Ống	3	11.500,00	HP052	0		3.000	Hồng Bàng	3.000

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số 1921 /SYT-TTKN ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Đa khoa Quốc Tế

STT	Mã HSM T	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G0209	Glucosamin	Glucosamin sulfat	250mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên; Viên nang cứng; Uống	36	VD-19030-13	Dopharma - Việt Nam	Viên	3	206,00	HP035	370.000	20.000		Vĩnh Bảo	350.000

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số 194 /SYT-TTKN ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Kiến An

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G0945	REDITUX	Rituximab	100mg/10ml	Hộp 1 lọ x 10ml-Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền-Tiêm	24 tháng	QLSP-861-15	Dr.Reddy's Laboratories Ltd. -India	Lọ	2	4.400.000,00	Hp033	50	40		Việt Tiệp	10



DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số 1921 /SYT-TTKN ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Trẻ Em

STT	Mã HSM T	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G1654	A.T Zinc Siro	Kẽm	2mg/1ml -5ml	Hộp 30 ống x 5ml. Dung dịch uống.	24 tháng	VD-25649-16	Cty CP DP An Thiên-Việt Nam	ống	3	3.633,00	HP139	10.000		3.500	Hải An	13.500

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số 1911/SYT-TTKN ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Đa khoa quận Hồng Bàng

STT	Mã HSM T	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G1103	CORDARONE	Amiodarone hydrochloride	200 mg	Hộp 2 vỉ x 15 viên, Viên nén, Uống	24 tháng	VN-16722-13	Sanofi Winthrop Industrie-Pháp	Viên	1	6750,00	HP119	24.000	600		An Dương	23.400
2	G1573	Tanganil 500mg	Acetyl leucin	500mg/5 ml	Hộp 5 ống x 5ml, Dung dịch tiêm tĩnh mạch, Tiêm tĩnh mạch	60 tháng	VN-18066-14	Pierre Fabre Medicament production - Pháp	Ống	1,00	13698,00	HP122	20.000	3.000		An Dương	17.000
3	G1574	Atileucine inj	Acetyl leucine	500mg/5ml	Tiêm, Dung dịch tiêm. Hộp 5 ống, 10 ống, 20 ống.	24 tháng	VD-25645-16	Công ty CPDP An Thiên - Việt Nam	Ống	3,00	11500,00	HP052	20.000	3.000		An Dương	17.000
4	G2028	Sulpiride Stada 50mg	Sulpirid	50mg	Hộp 5 vỉ x 10 viên nang cứng, uống	24 tháng	VD-25028-16	Liên doanh Stada - VN	Viên	2	335,00	HP019	112.800	16.700		An Lão	96.100
5	G2188	PANANGIN	Magnesi aspartat anhydrat, Kali aspartat anhydrat	(40mg 45,2mg) /1ml-10ml	Hộp 5 ống x 10ml, Dung dịch đậm đặc để pha tiêm truyền, Tiêm/truyền	36 tháng	VN-19159-15	Gedeon Richter Plc. Hungary	Ống	1,00	22890,00	HP014	240	230		Việt Tiệp	10
6	G2300	Vitamin B12 1mg/ml	Vitamin B12	1mg/ml	Hộp 100 ống x 1ml, dung dịch tiêm, tiêm	24 tháng	VD-23606-15	CTCPDP Minh Dân - Việt Nam	Ống	3	494,00	HP143	83.300	6.300		An Lão	77.000

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số 1941 /SYT-TTKN ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Đa khoa quận Ngô Quyền

STT	Mã HSM T	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G2188	PANANGI N	Magnesi aspartat anhydrat, Kali aspartat anhydrat	(40mg 45,2mg) /1ml- 10ml	Hộp 5 ống x 10ml, Dung dịch đậm đặc để pha tiêm truyền, Tiêm/truyền	36 tháng	VN-19159-15	Gedeon Richter Plc. Hungary	Ống	1	22.890,00	HP014	50	50		Việt Tiệp	0

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2018 - 2019

Gói thầu: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số 1921 /SYT-TTKN ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Đa khoa huyện Vĩnh Bảo

STT	Mã HSM T	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G2177	Glucose 5%	Glucose	5% - 500ml	Hộp 20 chai, dung dịch tiêm truyền	36 tháng	VD-28252-17	Fresenius Kabi Việt Nam	Chai	2	9.450,00	GB07	0		5.000	Kiến An	5.000

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2018 - 2019

Gói thầu: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số 1921 /SYT-TTKN ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Kiến An

STT	Mã HSM T	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G2177	Glucose 5%	Glucose	5% - 500ml	Hộp 20 chai, dung dịch tiêm truyền	36 tháng	VD-28252-17	Fresenius Kabi Việt Nam	Chai	2	9.450,00	GB07	176.700	5.000		Vĩnh Bảo	171.700

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2018 - 2019

Gói thầu: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số 1921 /SYT-TTKN ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Đại Học Y Hải Phòng

STT	Mã HSM T	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G0809	Baraclude (Đóng gói & xuất xưởng: Bristol-Myers Squibb S.r.l.; Đ/c: Contrada Fontana del Ceraso, 03012 Anagni (FR), Italy)	Entecavir	0,5mg	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Viên nén bao phim, Uống	36	VN3-29-18	AstraZeneca Pharmaceuticals LP - Mỹ	Viên	Nhóm 1	79.895,00	GB47	1500	1500		Việt Tiếp	0

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2018 - 2019

Gói thầu: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số 1921 /SYT-TTKN ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp

STT	Mã HSM T	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G0809	Baraclude (Đóng gói & xuất xưởng: Bristol-Myers Squibb S.r.l.; Đ/c: Contrada Fontana del Ceraso, 03012 Anagni (FR), Italy)	Entecavir	0,5mg	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Viên nén bao phim, Uống	36	VN3-29-18	AstraZeneca Pharmaceuticals LP - Mỹ	Viên	Nhóm 1	79.895,00	GB47	3.500		1.500	ĐHY	5.000

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc cổ truyền, thuốc được liệu (gồm 246 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc cổ truyền, thuốc được liệu năm 2017-2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số 1921 /SYT-TTKN ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Đa khoa quận Lê Chân

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá trúng thầu	Mã NT	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/n hận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	CT042	Kim tiền thảo - f	Kim tiền thảo	3500mg	Chai 40 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên Uống / Viên nang cứng	36 tháng	VD-21493-14	Công ty TNHH Dược phẩm Fito Pharma - Việt Nam	viên	588,00	ĐY34	210.000		200.000	Quốc tế	410.000

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu (gồm 246 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu năm 2017-2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số 1921 /SYT-TTKN ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Đa khoa Quốc tế

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá trúng thầu	Mã NT	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/n hận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	CT042	Kim tiền thảo - f	Kim tiền thảo	3500mg	Chai 40 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên Uống / Viên nang cứng	36 tháng	VD-21493-14	Công ty TNHH Dược phẩm Fito Pharma - Việt Nam	viên	588,00	ĐY34	1.200.000	200.000 + 84.000		Lê Chân + Hồng Bàng	916.000

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

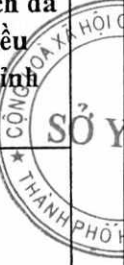
Gói thầu: Mua sắm thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu (gồm 246 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu năm 2017-2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số 1921 /SYT-TTKN ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Đa khoa quận Hồng Bàng

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá trúng thầu	Mã NT	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/n hận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	CT042	Kim tiền thảo – f	Kim tiền thảo	3500mg	Chai 40 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên Uống / Viên nang cứng	36 tháng	VD-21493-14	Công ty TNHH Dược phẩm Fito Pharma - Việt Nam	viên	588,00	ĐY34	300.000		84.000	Quốc tế	384.000



DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VỊ THUỐC CỔ TRUYỀN TRÚNG THẦU NĂM 2018 - 2019

Gói thầu: Mua sắm vị thuốc cổ truyền (gồm 697 vị thuốc)

Dự án: Mua sắm vị thuốc cổ truyền cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số 194/SYT-TTKN ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Trung tâm y tế Quận Dương Kinh

STT	Mã HSMT	Tên vị thuốc	Tên khoa học	Tên khoa học của cây, con và khoáng vật làm thuốc	Ngũ ôn gốc	Tiêu chuẩn chất lượng dược liệu đầu vào	Dạng sơ chế/ phương pháp chế biến	Phân nhóm kỹ thuật	Số GPNK (nếu có)	Đơn vị tính	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã NT	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/ nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	VT042	Thăng ma	Rhizoma Cimicifugae	Cimicifuga sp. - Ranunculaceae	B	ĐĐVN IV	SC	1	414/YDCT-QLD 99/2017-DLVN 6924/BYT-QLD	Kg	376.950,00	C08	0,00		2,00	Hồng Bàng	2,00
2	VT053	Độc hoạt	Radix Angelicae pubescentis	Angelica pubescens Maxim. - Apiaceae	B	ĐĐVN IV	SC	1	414/YDCT-QLD 99/2017-DLVN 6924/BYT-QLD	Kg	376.950,00	C08	0,00		2,00	Hồng Bàng	2,00
3	VT061	Khương hoạt	Rhizoma et Radix Notopterygii	Notopterygium incisum C. Ting ex H. T. Chang - Apiaceae	B	ĐĐVN IV	SC	1	06012018/01/NKDL-Tppharmar	Kg	1.680.000,00	C02	0,00		2,00	Hồng Bàng	2,00
4	VT110	Quế nhục	Cortex Cinnamomi	Cinnamomum spp. - Lauraceae	N	ĐĐVN IV	SC	1		Kg	92.000,00	C02	0,00		2,00	Hồng Bàng	2,00

STT	Mã HSMT	Tên vị thuốc	Tên khoa học	Tên khoa học của cây, con và khoáng vật làm thuốc	Nguồn gốc	Tiêu chuẩn chất lượng được liệu đầu vào	Dạng sơ chế/ phương pháp chế biến	Phân nhóm kỹ thuật	Số GPNK (nếu có)	Đơn vị tính	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã NT	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyên/ nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
5	VT326	Hậu phác	Cortex Magnoliae officinali	Magnolia officinalis. var. biloba Rehd. & et Wilson -	B	ĐĐVN IV	SC	1	Số 131/BYT-YDCT	Kg	117.600,00	C09	0,00		2,00	Hồng Bàng	2,00
6	VT384	Khương hoàng/ Uất kim	Rhizoma et Radix Curcumae longae	Curcuma longa L. - Zingiberaceae	N	ĐĐVN IV	SC	1		Kg	120.000,00	C03	0,00		1,00	Hồng Bàng	1,00
7	VT516	Thương truật	Rhizoma Atractylodis	Atractylodes lancea (Thunb.) DC. Asteraceae	B	ĐĐVN IV	SC	1	Số 131/BYT-YDCT	Kg	559.600,00	C09	0,00		2,00	Hồng Bàng	2,00
8	VT643	Ích trí nhân	Fructus Alpiniae oxyphyllae	Alpinia oxyphylla Miq. - Zingiberaceae	B	ĐĐVN IV	SC	1	Số 131/BYT-YDCT	Kg	582.500,00	C09	0,00		2,00	Hồng Bàng	2,00
9	VT648	Phá cốt chi (Bồ cốt chi)	Fructus Psoraleae corylifoliae	Psoralea corylifolia L. - Fabaceae	B	ĐĐVN IV	SC	1	06012018/01/NKDL-Tppharmar	Kg	210.000,00	C02	0,00		2,00	Hồng Bàng	2,00
10	VT667	Cam thảo	Radix Glycyrrhizae	Glycyrrhiza spp. - Fabaceae	B	ĐĐVN IV	SC	1	Số 131/BYT-YDCT	Kg	302.400,00	C09	0,00		2,00	Hồng Bàng	2,00

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VỊ THUỐC CỔ TRUYỀN TRÚNG THẦU NĂM 2018 - 2019

Gói thầu: Mua sắm vị thuốc cổ truyền (gồm 697 vị thuốc)

Dự án: Mua sắm vị thuốc cổ truyền cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số 194/SYT-TTKN ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Đa khoa Quận Hồng Bàng

STT	Mã HSMT	Tên vị thuốc	Tên khoa học	Tên khoa học của cây, con và khoáng vật làm thuốc	Nguồn gốc	Tiêu chuẩn chất lượng được liệu đầu vào	Dạng sơ chế/ phương pháp chế biến	Phân nhóm kỹ thuật	Số GPNK (nếu có)	Đơn vị tính	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã NT	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/ nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	VT042	Thăng ma	Rhizoma Cimicifugae	Cimicifuga sp. - Ranunculaceae	B	ĐDVN IV	SC	1	414/YDCT-QLD 99/2017-DLVN 6924/BYT-QLD	Kg	376.950,00	C08	22,50	2,00		TTYT Dương Kinh	20,50
2	VT053	Độc hoạt	Radix Angelicae pubescentis	Angelica pubescens Maxim. - Apiaceae	B	ĐDVN IV	SC	1	414/YDCT-QLD 99/2017-DLVN 6924/BYT-QLD	Kg	376.950,00	C08	38,50	2,00		TTYT Dương Kinh	36,50
3	VT061	Khương hoạt	Rhizoma et Radix Notopterygii	Notopterygium incisum C. Ting ex H. T. Chang - Apiaceae	B	ĐDVN IV	SC	1	06012018/01/NKDL-Tppharmar	Kg	1.680.000,00	C02	112,50	2,00		TTYT Dương Kinh	110,50
4	VT110	Quế nhục	Cortex Cinnamomi	Cinnamomum spp. - Lauraceae	N	ĐDVN IV	SC	1		Kg	92.000,00	C02	15,00	2,00		TTYT Dương Kinh	13,00
5	VT326	Hậu phác	Cortex Magnoliae officinalis	Magnolia officinalis var. biloba Rehd. & Wilson	B	ĐDVN IV	SC	1	Số 131/BYT-YDCT	Kg	117.600,00	C09	6,00	2,00		TTYT Dương Kinh	4,00

STT	Mã HSMT	Tên vị thuốc	Tên khoa học	Tên khoa học của cây, con và khoáng vật làm thuốc	Nguồn gốc	Tiêu chuẩn chất lượng dược liệu đầu vào	Dạng sơ chế/ phương pháp chế biến	Phân nhóm kỹ thuật	Số GPNK (nếu có)	Đơn vị tính	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã NT	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/ nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
6	VT384	Khuong hoàng/ Uất kim	Rhizoma et Radix Curcumae longae	Curcuma longa L. - Zingiberaceae	N	ĐĐVN IV	SC	1		Kg	120.000,00	C03	135,00	1,00		TTYT Dương Kinh	134,00
7	VT516	Thương truật	Rhizoma Atractylodis	Atractylodes lancea (Thunb.) DC. Asteraceae	B	ĐĐVN IV	SC	1	Số 131/BYT-YDCT	Kg	559.600,00	C09	15,00	2,00		TTYT Dương Kinh	13,00
8	VT643	Ích trí nhân	Fructus Alpiniae oxyphyllae	Alpinia oxyphylla Miq. - Zingiberaceae	B	ĐĐVN IV	SC	1	Số 131/BYT-YDCT	Kg	582.500,00	C09	11,25	2,00		TTYT Dương Kinh	9,25
9	VT648	Phá cổ chi (Bồ cốt chi)	Fructus Psoraleae corylifoliae	Psoralea corylifolia L. Fabaceae	B	ĐĐVN IV	SC	1	06012018/01/NKDL-Tppharmar	Kg	210.000,00	C02	7,50	2,00		TTYT Dương Kinh	5,50
10	VT667	Cam thảo	Radix Glycyrrhizae	Glycyrrhiza spp. - Fabaceae	B	ĐĐVN IV	SC	1	Số 131/BYT-YDCT	Kg	302.400,00	C09	38,50	2,00		TTYT Dương Kinh	36,50



